

**NGHỊ QUYẾT**

**Về kế hoạch đầu tư công năm 2018 tỉnh Cà Mau**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 26/2016/QH14 ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm;

Xét Tờ trình số 200/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết về kế hoạch đầu tư công năm 2018 tỉnh Cà Mau; Báo cáo thẩm tra số 106/BC-HĐND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh;

Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Năm đã thảo luận và thống nhất,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2018 tỉnh Cà Mau, gồm những nội dung chủ yếu sau:

**1. Mục tiêu, định hướng đầu tư công năm 2018**

**a) Mục tiêu**

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư phát triển, từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Cà Mau.

**b) Định hướng**

- Tập trung bố trí vốn để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành các dự án.
- Hỗ trợ vốn đầu tư có mục tiêu cho các huyện, thành phố để thực hiện các dự án, công trình phục vụ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

**2. Nguyên tắc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018**

a) Góp phần thực hiện mục tiêu và định hướng phát triển kinh tế - xã hội năm 2018 và 5 năm 2016-2020 của tỉnh Cà Mau;

b) Đảm bảo thực hiện theo các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành về đầu tư công;

c) Bố trí vốn đầu tư tập trung, kèm theo các giải pháp huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án làm cơ sở thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**3. Phân bổ vốn đầu tư công năm 2018 theo thứ tự ưu tiên như sau:**

a) Ưu tiên bố trí vốn để hoàn trả các khoản vốn ứng trước ngân sách, thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản;

b) Dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ngoài nước (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư (PPP);

c) Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;

d) Dự án khởi công mới có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

**4. Tổng vốn đầu tư công năm 2018: 3.356.620 triệu đồng, bao gồm:**

a) Vốn ngân sách trung ương bổ sung: 1.570.830 triệu đồng, trong đó:

- Hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: 169.164 triệu đồng;

- Vốn các Chương trình mục tiêu quốc gia: 91.549 triệu đồng;

- Vốn các Chương trình mục tiêu: 401.000 triệu đồng;

- Vốn trái phiếu Chính phủ: 432.000 triệu đồng;

- Vốn nước ngoài (ODA): 477.117 triệu đồng.

b) Vốn cân đối ngân sách địa phương: 1.785.790 triệu đồng, trong đó:

- Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất: 181.800 triệu đồng (*ban hành theo Phụ lục I*);

- Chi đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách: 51.000 triệu đồng (*ban hành theo Phụ lục II*);

- Vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý: 573.690 triệu đồng (*ban hành danh mục đầu tư theo Phụ lục III*);

- Vốn từ nguồn thu xô số kiến thiết: 699.720 triệu đồng (*ban hành danh mục đầu tư theo Phụ lục IV*);

- Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ và cân đối ngân sách huyện, thành phố: 279.580 triệu đồng (*ban hành danh mục đầu tư theo Phụ lục V*).

#### 5. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2018

a) Đôn đốc các chủ đầu tư triển khai thực hiện kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018 ngay từ đầu năm và có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ theo quy định, kịp thời báo cáo, đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc với cấp có thẩm quyền để tháo gỡ, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án;

b) Đẩy mạnh thực hiện chủ trương xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, giáo dục và đào tạo, văn hóa, thể thao, các công trình, dự án cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, sinh hoạt của người dân;

c) Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; xử lý nghiêm vi phạm pháp luật về đầu tư công;

d) Kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư công, đảm bảo công khai, minh bạch trong việc quản lý, sử dụng vốn.

**Điều 2.** Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định và trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê chuẩn tại kỳ họp gần nhất.

**Điều 3.** Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau Khóa IX, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017./.*

#### **Nơi nhận:**

- UBTW Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- BTT. Ủy ban MTTQ VN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh; ;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT. HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**  
  
Trần Văn Hiện



**CHI BỔ SUNG QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng.*

TT	Danh mục	Kế hoạch năm 2018
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>181.800</b>
1	Chi bổ sung Quỹ Phát triển đất từ nguồn thu sử dụng đất (*)	181.800

(\*) Đã trích 10% nguồn thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc, lập cơ sở dữ liệu... theo quy định.

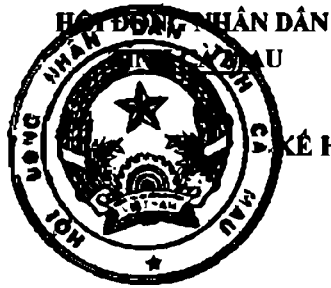


**CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2018**

*(Kèm theo Nghị quyết số 13 /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)*

*ĐVT: Triệu đồng.*

TT	Kế hoạch vốn năm 2018	Ghi chú
1	51.000	Phân bổ cho từng cho từng công trình, dự án sau khi đã thực hiện được khoản vay từ nguồn vốn vay trong nước. Đối với các chương trình, dự án thực hiện từ nguồn Chính phủ vay về cho địa phương vay lại, thực hiện phân bổ vốn trong phạm vi tổng mức vay và tiến độ, khả năng thực hiện giải ngân.



**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số *B* /NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

*ĐVT: Triệu đồng.*

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NT SĐĐ	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDC'B	
<b>TỔNG SỐ</b>								<b>6.655.613</b>	<b>1.883.736</b>	<b>810.431</b>	<b>573.690</b>	<b>310.337</b>	<b>88.996</b>	
<b>A</b>	<b>NÔNG, LÂM, THỦY SẢN</b>							<b>1.117.235</b>	<b>297.819</b>	<b>3.306</b>	<b>58.541</b>	<b>50.713</b>	<b>7.828</b>	
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							<i>1.117.235</i>	<i>297.819</i>	<i>3.306</i>	<i>58.541</i>	<i>50.713</i>	<i>7.828</i>	
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau	7070714	B	H. TVT, UM	8.000 ha	Đến năm 2020	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008	144.560	74.183	3.306	10.828	8.000	2.828	Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Dự án đầu tư nâng cao năng lực bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau giai đoạn II	7422113	B	H. U Minh và Trần Văn Thời	Công trình NN&PTNT cấp IV	2014 - 2016	1593/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1723/QĐ-UBND ngày 04/11/2015	82.718	79.398		3.320	3.320		Chi cục Kiểm lâm
3	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	B	H. Đầm Dơi	4.907 ha	2012 - 2019	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	101.900		339	339		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	7211283	B	H. U Minh	77 kênh và 36 công	2010 - 2017	1616/QĐ-UBND ngày 21/10/2010	370.570	20.372		5.000	-	5.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
5	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phi bồi thường, GPMB)	7189095	B	H. TVT	Hệ thống công, bờ bao, nạo vét kênh	2009 - 2017	2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	2.926		4.208	4.208		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bỏ từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất năm 2018			Chủ đầu tư	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NT SDD	Tổng số	Trong đó:			
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	Mua sắm trang thiết bị phòng kiểm nghiệm (máy quang phổ hấp thụ nguyên tử AAS)	7531671	C	Tỉnh Cà Mau	Thiết bị	2015	846/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	3.349				3.188	3.188		Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản
7	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng VII - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7005987	B	TP. Cà Mau	Sửa chữa và xây dựng mới 07 công	2016 - 2020	549/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	84.349	19.040			1.527	1.527		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
8	Hỗ trợ cho các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP của Chính phủ)	Nhiều dự án	C	Các huyện	Lĩnh vực nông nghiệp	2015	Nhiều quyết định	30.131				30.131	30.131		Hỗ trợ các doanh nghiệp (Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh)
<b>B</b>	<b>GAO THÔNG</b>							<b>2.291.458</b>	<b>755.482</b>	<b>186.445</b>	<b>111.290</b>	<b>54.385</b>	<b>54.255</b>		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							<i>2.291.458</i>	<i>755.482</i>	<i>186.445</i>	<i>111.290</i>	<i>54.385</i>	<i>54.255</i>		
1	Cầu Rạch Ruộng Nhỏ, huyện Trần Văn Thời	7006700	B	H. Trần Văn Thời	174,6 m	2009 - 2015	966/QĐ-UBND ngày 18/6/2008; 1307/QĐ-UBND ngày 25/8/2011	123.574	116.374	116.374		727	727		Sở Giao thông vận tải
2	Đề án xây dựng 1.588 cầu giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Cà Mau (thanh toán chi phí tư vấn)	7179518	B	Các H. TP	1.588 cầu GTNT	2009 - 2010	1642/QĐ-UBND ngày 22/9/2009	452.770	450.812	-		1.958	1.958		Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Cà Mau
3	Tuyến đường tránh trung tâm thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	7011320	B	H. Thới Bình		2009 - 2013	1686/QĐ-UBND ngày 31/10/2008; 1955/QĐ-UBND ngày 20/12/2011	74.751	42.686	42.686		1.700	1.700		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
4	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc). Phần ngân sách tỉnh bỏ từ 593 tỷ đồng.	7249003	B	H. Cái Nước, TVT	Cấp IV ĐB	2013 - 2017	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	1.521.792	100.000	-		100.000	50.000	50.000	Sở Giao thông Vận tải
5	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	B	H. Phú Tân	11 tuyến đường	2009 - 2012	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	27.385	27.385		5.000		2.350	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
6	Tuyến lộ về Khu căn cứ Tỉnh ủy thuộc xã Phong Lạc, Huyện Trần Văn Thời	7403540	C	H. Trần Văn Thời		2013 - 2016	1536/QĐ-UBND ngày 29/10/2012	28.590	18.225	-		1.905		1.905	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
<b>C</b>	<b>HẠ TẦNG ĐỒ TÀI</b>							<b>1.811.706</b>	<b>370.342</b>	<b>370.342</b>	<b>85.623</b>	<b>77.623</b>	<b>8.000</b>		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							<i>1.811.706</i>	<i>370.342</i>	<i>370.342</i>	<i>85.623</i>	<i>77.623</i>	<i>8.000</i>		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất năm 2018			Chủ đầu tư	
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (cả cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NT SĐĐ	Tổng số	Trong đó:			
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	Đổi ứng Dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cà Mau (gồm cả chi GPMB đường Đinh Tiên Hoàng theo Công văn số 8817/UBND-XD ngày 06/11/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)	7199192	B	TP. Cà Mau	Nâng cấp các LIA	2012 - 2017	160/QĐ-UBND ngày 07/02/2012	1.204.455	148.574	148.574	10.040	10.040		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu Quảng trường văn hóa trung tâm tỉnh Cà Mau	7004105	B	TP. Cà Mau	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp II	Đến năm 2017	620/QĐ-UBND ngày 26/4/2013; 1674/QĐ-UBND ngày 29/9/2016	124.200	99.549	99.549	10.777	10.777		Sở Giao thông vận tải	
3	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	7404890	B	TP. Cà Mau	2.786 m	2015 - 2018	1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	113.019	113.019	37.520	37.520		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
4	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	B	TP. Cà Mau	1.410 m	2017 - 2021	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	5.000	5.000	15.000	15.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Cống qua kênh Thống Nhất, thành phố Cà Mau	7438432	C	TP. Cà Mau	33 m	2013 - 2014	395/QĐ-SKHĐT ngày 17/12/2013	5.212	2.200	2.200	2.286	2.286		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đoi Vàm, ĐT.986 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cống Cây Hương), thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7544671	C	H. Cái Nước	736 m	2016 - 2018	1665/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.644			5.000		5.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	
7	Công trình đầu tư kết cấu hạ tầng đường Nguyễn Mai (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Anh Xuân), thành phố Cà Mau	7565716	C	TP. Cà Mau	250 m	2017 - 2018	44/QĐ-SXD ngày 29/3/2016	11.814	2.000	2.000	5.000	2.000	3.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
<b>D</b>	<b>HẠ TẦNG KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP, ĐIỆN</b>								<b>102.252</b>	<b>28.011</b>	<b>28.011</b>	<b>22.933</b>	<b>22.933</b>	-	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>								<b>102.252</b>	<b>28.011</b>	<b>28.011</b>	<b>22.933</b>	<b>22.933</b>	-	
1	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời (hạng mục và phá bom mìn, vật nổ công trình)	7130514	C	H. Trần Văn Thời	50 ha	2009 - 2012	3526/QĐ-BQP ngày 30/10/2008	13.585	7.652	7.652	5.933	5.933		Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp tỉnh Cà Mau (nay là Trung tâm Phát triển hạ tầng khu kinh tế thuộc Ban Quản lý Khu	
2	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính D6 Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 1)	7565746	C	H. U Minh	1.694 m	2016 - 2018	1392/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	48.764	10.000	10.000	5.000	5.000		Ban Quản lý Khu kinh tế	
3	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào Khu công nghiệp Khánh An, huyện U Minh	7565739	C	H. U Minh	4.195 m	2017 - 2019	38/QĐ-SXD ngày 17/3/2016	13.841	5.000	5.000	4.000	4.000		Ban Quản lý Khu kinh tế	



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NT SDD	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu B - Khu công nghiệp Khánh An (hạng mục hệ thống thoát nước đường NI)	7320310	C	H. U Minh	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III	2016 - 2017	939/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; 119/QĐ-SXD ngày 23/5/2016	26.062	5.359	5.359	8.000	8.000		Ban Quản lý Khu kinh tế
<b>E</b>	<b>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>							<b>341.429</b>	<b>146.650</b>	<b>23.450</b>	<b>12.487</b>	<b>8.487</b>	-	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>341.429</b>	<b>146.650</b>	<b>23.450</b>	<b>12.487</b>	<b>8.487</b>	-	
1	Nhà máy xử lý rác thải thành phố Cà Mau		B	TP. Cà Mau	200 tấn rác/ngày	2009 - 2011	94/2010/QĐ-CL ngày 08/12/2010	328.487	143.200	20.000	8.487	8.487		Hỗ trợ Nhà đầu tư (Hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh)
2	Dự án đầu tư xây dựng mới, thay thế thiết bị cho các Đài Truyền thanh cấp xã	7618363	C	TP. Cà Mau	34 xã thuộc 08 huyện	2016 - 2018	49/QĐ-SXD ngày 31/3/2016	12.942	3.450	3.450	4.000			Sở Thông tin và Truyền thông
<b>G</b>	<b>VĂN HÓA, THỂ THAO, DU LỊCH</b>							<b>95.118</b>	<b>56.590</b>	-	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>95.118</b>	<b>56.590</b>	-	<b>20.000</b>	<b>20.000</b>	-	
1	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh hạ	7474051	B	H. U Minh và H. TVT	18.362 m	Đến hết năm 2018	1445/QĐ-UBND ngày 08/10/2008; 325/QĐ-UBND ngày 27/02/2017	95.118	56.590	-	20.000	20.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>H</b>	<b>KHÓI ĐÁNG, NHÀ NƯỚC</b>							<b>558.707</b>	<b>96.046</b>	<b>96.046</b>	<b>140.886</b>	<b>32.886</b>	<b>6.000</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>558.707</b>	<b>96.046</b>	<b>96.046</b>	<b>140.886</b>	<b>32.886</b>	<b>6.000</b>	
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	7580170	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng, cấp I	2017 - 2019	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	70.000	70.000	108.000	8.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trụ sở liên cơ quan huyện Phú Tân giai đoạn 3	7275486	B	H. Phú Tân	Công trình dân dụng, cấp II	2011 - 2017	1057/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	53.569	14.569	14.569	3.000	-	3.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
3	Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7546549	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	278/QĐ-SXD ngày 28/10/2015	14.958	9.477	9.477	5.400	4.000	1.400	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
4	Công trình trang trí tranh, ảnh, cây xanh, thảm cỏ; hệ thống camera, mạng; hành lang tầng 1 Trụ sở Tỉnh ủy Cà Mau	7543929	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016	312/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	3.119			2.474	2.474		Văn phòng Tỉnh ủy
5	Kho lưu trữ tài liệu của các cơ quan hành chính huyện Đầm Dơi	7555448	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	16/QĐ-SXD ngày 28/01/2016	5.180			2.600	1.000	1.600	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NT SDD	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
6	Kho lưu trữ Huyện ủy và phòng họp Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Phú Tân	7607692	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	325/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	4.917	2000	2000	2.000			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
7	Trụ sở Chi cục Quản lý thị trường Cà Mau và Đội Quản lý thị trường thành phố Cà Mau (trong đó: ngân sách tỉnh 14.183 tỷ đồng; bán đấu giá trụ sở hiện hữu 8.667 tỷ đồng)		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2019	1868/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.193			3.000	3.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
8	Trụ sở hành chính phường 5, thành phố Cà Mau	7619906	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2019	143/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	14.132			3.000	3.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
9	Bồi thường, GPMB Dự án Trung tâm hành chính huyện Ngọc Hiển và đường ô tô vệ trung tâm thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển	Các phương án	C	H. Ngọc Hiển	05 Phương án	2014 - 2015	873/QĐ-UBND ngày 25/6/2014	10.468			10.468	10.468		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
10	Chi trả phương án bồi thường, hỗ trợ Khu tập thể Đảng ủy Dân chính đảng và Trường Trung cấp Văn hóa, Thể thao và Du lịch (cũ)	Các phương án	C	TP. Cà Mau	02 Phương án	2017	209/QĐ-UBND ngày 18/01/2017; 2207/QĐ-UBND ngày 09/6/2017; 596/QĐ-UBND ngày 16/02/2017	944			944	944		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
<b>1</b>	<b>AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>							<b>337.708</b>	<b>132.796</b>	<b>102.831</b>	<b>43.064</b>	<b>25.134</b>	<b>12.913</b>	
a)	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư							<b>277.990</b>	<b>131.031</b>	<b>102.831</b>	<b>22.734</b>	<b>15.321</b>	<b>7.413</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							<b>277.990</b>	<b>131.031</b>	<b>102.831</b>	<b>22.734</b>	<b>15.321</b>	<b>7.413</b>	
1	Trụ sở xã đội, phường đội, thị đội trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004686	B	Tỉnh Cà Mau	Công trình quân sự	2011 - 2016	112/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 (điều chỉnh)	109.565	96.831	96.831	12.734	10.321	2.413	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Thới Bình (Ngân sách địa phương hỗ trợ 05 tỷ đồng)	7004686	C	H. Thới Bình	Công trình quân sự	2015 - 2017	5561/QĐ-BQP ngày 26/12/2014	37.498	28.200	-	5.000	5.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
3	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau	7004686	B	H. U Minh	Công trình quân sự	2015 - 2019	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	6.000	6.000	5.000	-	5.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
b)	Các dự án do Công an tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư							<b>42.070</b>	<b>1.765</b>	<b>-</b>	<b>11.830</b>	<b>6.813</b>	<b>-</b>	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							<b>42.070</b>	<b>1.765</b>	<b>-</b>	<b>11.830</b>	<b>6.813</b>	<b>-</b>	
1	Bồi thường, GPMB xây dựng Trụ sở Phòng Cảnh sát PCCC Công an tỉnh Cà Mau	7004692	C	TP. Cà Mau	BT, GPMB	2013 - 2015		1.878	1.765	-	113	113		Công an tỉnh Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT&NT SĐĐ	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
2	Chi phí đầu tư kết cấu hạ tầng lộ đất bố trí xây dựng Trụ sở làm việc các cơ quan thuộc Công an tỉnh Cà Mau	7004692	C	TP. Cà Mau	4.477,5 m <sup>2</sup>	2015	1918/TB-SXD ngày 16/12/2014	6.717			6.717	6.700		Công an tỉnh Cà Mau
3	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	C	Tỉnh Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2020	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	33.475			5.000			Công an tỉnh Cà Mau
c)	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư							17.648	-	-	8.500	3.000	5.500	
	<i>Dự án chuyển tiếp</i>							<i>17.648</i>	-	-	<i>8.500</i>	<i>3.000</i>	<i>5.500</i>	
1	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Gốc	7004686	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	40/QĐ-SXD ngày 23/3/2016	6.456			2.400		2.400	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
2	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Sông Đốc	7004686	C	H. Trần Văn Thới	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	325/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	5.286			1.100		1.100	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
3	Nhà ở chiến sỹ mới Đại đội huấn luyện thuộc Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	7004686	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	334/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	5.906			5.000	3.000	2.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
<b>K</b>	<b>VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>										<b>3.321</b>			Sở Kế hoạch và Đầu tư phân khai thực hiện
<b>L</b>	<b>THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐONG KHI QUYẾT TOÁN</b>										<b>18.176</b>	<b>18.176</b>		Sở Tài chính phân khai thực hiện
<b>M</b>	<b>DỰ PHÒNG (10%)</b>										<b>57.369</b>			



Phụ lục IIIa

**KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2018  
CHƯA CÂN ĐỐI ĐƯỢC NGUỒN VỐN ĐỂ BỔ TRÍ**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cân bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
	<b>TỔNG SỐ</b>								<b>5.488.910</b>	<b>558.320</b>	
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP (cân bổ sung thêm vốn để thanh toán)</b>								<b>4.811.397</b>	<b>368.556</b>	
1	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau (đã dự kiến bổ trí kế hoạch vốn năm 2018 là 100 tỷ đồng, cân bổ sung thêm 50 tỷ đồng)	7580170	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng, cấp I	2017 - 2019	209/HĐND-TT ngày 19/9/2016	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	50.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc) (đã dự kiến bổ trí kế hoạch vốn năm 2018 là 100 tỷ đồng, trong đó bổ trí hoàn trả tạm ứng ngân sách 50 tỷ đồng; cân bổ sung thêm 50 tỷ đồng)	7249003	B	H. Cái Nước, TVT	Cấp IV ĐB	2013 - 2017		1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	1.521.792	50.000	Sở Giao thông Vận tải
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)	7249001	B	H. TVT, UM	Cấp IV ĐB	2013 - 2016		1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	657.270	20.000	Sở Giao thông vận tải
4	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau	7070714	B	H. TVT, UM	8.000 ha	Đến năm 2020		936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008	144.560	2.000	Vườn Quốc gia U Minh hạ
5	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau, tỉnh Cà Mau	7007595	B	H. Ngọc Hiển	41.802 ha	2012 - 2016		1675/QĐ-UBND ngày 21/11/2012	52.013	3.400	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cần bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
6	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7067082	B	H. Đầm Dơi	4.907 ha	2012 - 2019		1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	2.700	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
7	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng II - Bắc Cà Mau	7211283	B	H. U Minh	77 kênh và 36 cống	2010 - 2017		1616/QĐ-UBND ngày 21/10/2010	370.570	20.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
8	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng III - Nam Cà Mau (Chi phí bồi thường, GPMB)	7189095	B	H. TVT	Hệ thống công, bờ bao, nạo vét kênh	2009 - 2017		2602/QĐ-BNN-TL ngày 16/9/2009; 3444/QĐ-BNN-TCTL ngày 21/8/2017	200.710	8.292	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
9	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi tiểu vùng XVIII - Nam Cà Mau	7006161	B	H. Đầm Dơi	31 kênh và 11 cống	2013 - 2016		469/QĐ-UBND ngày 03/4/2013	195.559	5.200	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
10	Ô thủy lợi phục vụ sản xuất chuyên lúa - cá - màu xã An Xuyên, thành phố Cà Mau	7418403	C	TP. Cà Mau	Công trình thủy lợi cấp IV	2016 - 2017		310/QĐ-SKHĐT ngày 31/10/2014; 1361/QĐ-SNN ngày 01/7/2016	12.763	6.300	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
11	Cầu Văn hóa, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7556274	C	H. Cái Nước	Chiều dài cầu chính 60,77 m	2016 - 2018	1133/QĐ-UBND ngày 05/8/2015	529/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	11.686	5.686	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
12	Các công trình cấp nước tập trung nông thôn	7590476	C	Các huyện	Công trình cấp nước nông thôn	2016 - 2017		Nhiều công trình	57.194	5.393	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
13	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân	7147972	B	H. Phú Tân	11 tuyến đường	2009 - 2012		1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	10.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
14	Cầu qua sông Tả Thập thuộc phường Vĩnh Đại 1, thành phố Cà Mau	7440195	B	TP. Cà Mau	1.410 m	2017 - 2021		1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	191.301	35.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
15	Dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đường Ngô Quyền, thành phố Cà Mau	7404890	B	TP. Cà Mau	2.786 m	2015 - 2018		1981/QĐ-UBND ngày 27/12/2013	231.080	5.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cân bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
16	Công trình đầu tư kết cấu hạ tầng đường Nguyễn Mai (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến đường Lê Anh Xuân), thành phố Cà Mau	7565716	C	TP. Cà Mau	250 m	2017 - 2018	1999/QĐ-UBND ngày 21/12/2015	44/QĐ-SXD ngày 29/3/2016	11.814	4.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
17	Nạo vét 02 đoạn sông trong nội ô thành phố Cà Mau (đoạn từ Chùa Bà đến Giồng Kè và đoạn từ Ngã ba sông Gành Hào đến Cầu Nhum)	7564308	C	TP. Cà Mau	Nạo vét 02 đoạn sông	2017 - 2018	710/QĐ-UBND ngày 27/5/2015	416A/QĐ-SNN ngày 28/3/2016	8.045	4.545	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
18	Nâng cấp, mở rộng đường Đầm Dơi - Cái Nước - Cái Đoi Vàm, ĐT.986 (đoạn từ Quốc lộ 1 đến công Cây Hương), thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	7544671	C	H. Cái Nước	736 m	2016 - 2018	1173/QĐ-UBND ngày 13/8/2015	1665/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	43.644	25.051	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
19	Tuyến đường Châu Văn Đăng (đoạn từ đường Nguyễn Tất Thành đến bờ bao Nông nghiệp), thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	7553073	C	H. Năm Căn	Công trình giao thông cấp IV	2016 - 2018	1605/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	304/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	11.748	4.864	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
20	Dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật du lịch sinh thái Vườn Quốc gia U Minh hạ	7474051	B	H. U Minh và H. TVT	18.362 m	Đến hết năm 2018		1445/QĐ-UBND ngày 08/10/2008; 325/QĐ-UBND ngày 27/02/2017	95.118	6.500	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
21	Công trình đường giao thông từ khu trung tâm Công viên văn hóa du lịch Mũi Cà Mau đầu nối vào lộ đường giao thông qua các hộ dân làm du lịch cộng đồng	7553319	C	H. Ngọc Hiển	780 m	2016 - 2017	1362/QĐ-UBND ngày 14/9/2015	521/QĐ-SGTVT ngày 28/10/2015; 446/QĐ-SGTVT ngày 06/9/2017	7.551	1.400	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
22	Cầu Nhị Nguyệt trên tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi	7556689	C	H. Đầm Dơi	HL-93	2016 - 2018	308/QĐ-UBND ngày 02/3/2016	1472/QĐ-UBND ngày 30/8/2016	22.699	11.350	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
23	Dự án đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính D6 Khu công nghiệp Khánh An (giai đoạn 1)	7565746	C	H. U Minh	1.694 m	2016 - 2018	24/HBND-TT ngày 05/02/2016	1392/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	48.764	28.888	Ban Quản lý Khu kinh tế
24	Dự án đầu tư xây dựng hàng rào Khu công nghiệp Khánh An, huyện U Minh	7565739	C	H. U Minh	4.195 m	2017 - 2019	102/QĐ-UBND ngày 21/01/2016	38/QĐ-SXD ngày 17/3/2016	13.841	4.800	Ban Quản lý Khu kinh tế
25	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu B - Khu công nghiệp Khánh An (hạng mục hệ thống thoát nước đường N1)	7320310	C	H. U Minh	Công trình hạ tầng kỹ thuật cấp III	2016 - 2017		939/QĐ-UBND ngày 12/7/2012; 119/QĐ-SXD ngày 23/5/2016	26.062	12.703	Ban Quản lý Khu kinh tế
26	Trụ sở liên cơ quan huyện Phú Tân giai đoạn 3	7275486	B	H. Phú Tân	Công trình dân dụng, cấp II	2011 - 2017		1057/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	53.569	6.687	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cần bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
27	Trụ sở Sở Tư pháp	7182404	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2011 - 2015		54/QĐ-UBND ngày 10/01/2013 (điều chỉnh)	37.167	4.407	Sở Tư pháp
28	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	7435891	C	H. Trần Văn Thời	Công trình công cộng, cấp II	2014 - 2016		1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	8.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
29	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND - UBND huyện Trần Văn Thời	7610808	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	426/QĐ-UBND ngày 16/3/2016	330/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.637	5.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
30	Hàng rào Khu trung tâm hành chính huyện Ngọc Hiển	7546552	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp IV	2016 - 2017	1488/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	303/QĐ-SXD ngày 30/10/2015; 261/QĐ-SXD ngày 20/6/2017	8.668	3.900	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
31	Trụ sở Ban QLDA công trình Xây dựng tỉnh Cà Mau (NSNN hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư, tương đương 9,555 tỷ đồng)	7562656	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	36/QĐ-UBND ngày 08/01/2016	329/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	13.650	6.375	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
32	Trụ sở làm việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Năm Căn, huyện Năm Căn	7567508	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1740/QĐ-UBND ngày 09/11/2015	143/QĐ-SXD ngày 16/6/2016	6.860	3.174	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
33	Trụ sở hành chính thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	7563784	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1489/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	315/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	14.480	6.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
34	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	7605693	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1578/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	4.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
35	Trụ sở Chi cục Quản lý thị trường Cà Mau và Đội Quản lý thị trường thành phố Cà Mau (trong đó: ngân sách tỉnh 14,183 tỷ đồng; bán đấu giá trụ sở hiện hữu 8,667 tỷ đồng)		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2019	1533/QĐ-UBND ngày 14/10/2015	1868/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.193	3.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
36	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau	7004686	B	H. U Minh	Công trình quân sự	2015 - 2019		1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	10.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
37	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn (Ngân sách địa phương hỗ trợ 15,267 tỷ đồng)	7004686	C	H. Năm Căn	Công trình quân sự	2014 - 2016		4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	6.991	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
38	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá và bến cá Khánh Hội, tỉnh Cà Mau (Ngân sách trung ương hỗ trợ 85.040 triệu đồng; NS tỉnh đối ứng để GPMB)	7027480	B	H. U Minh	700 chiếc/150CV; 80 lượt/200CV	2016 - 2020		1627/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	134.163	14.950	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cần bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
39	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2 (Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng 07 tỷ đồng tại Công văn số 6460/UBND-XD ngày 17/8/2017 của	7578614	B	H. U Minh	403 ha	2016 - 2020	265/HĐND-TT ngày 30/10/2015	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	63.060	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
II	<b>DỰ ÁN DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI TỪ NĂM 2018 (cần bổ sung vốn để khởi công)</b>								<b>677.513</b>	<b>189.764</b>	
1	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy (chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư)		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020			40.461	15.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Công, hàng rào trụ sở Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau (chưa có quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư)		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng				1.400	1.400	Văn phòng Hội đồng nhân dân tỉnh
3	Mở rộng trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019	1787/QĐ-UBND ngày 27/10/2017		2.534	2.500	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Nạo vét cửa biển Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7609566	C	H. Phú Tân	05 km	2017 - 2019	1820/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	2183A/QĐ-SNN ngày 31/10/2016	14.301	7.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT
5	Dự án đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	7626031	C	H. NH, NC, PT, TVT	122 ha	2017 - 2019	795/QĐ-UBND ngày 10/5/2016		7.942	3.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
6	Xây dựng mới nhà làm việc Tổ Kiểm lâm cơ động thuộc Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau		C	H. Ngọc Hiển	155,72 m <sup>2</sup>	2018	1609/QĐ-UBND ngày 26/9/2017		1.325	1.300	Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau
7	Cầu Cơi Năm và cầu Kênh Đứng, huyện Trần Văn Thời	7589540	C	H. Trần Văn Thời	02 cầu	2018 - 2019	1654/QĐ-UBND ngày 27/9/2016	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.420	8.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
8	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời	7610805	C	H. Trần Văn Thời	Đường cấp VI ĐB, 02 cầu	2018 - 2020	67/QĐ-UBND ngày 12/01/2017	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	10.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
9	Cầu Xóm Ruộng trên tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi	7636415	C	H. Đầm Dơi	Phần đường cấp III, phần cầu cấp IV	2018 - 2020	1352/QĐ-UBND ngày 03/8/2017	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	10.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
10	Cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (Tiểu dự án GPMB, rà phá bom mìn)		C	Các huyện	GPMB, RPBM	2015 - 2021		596/QĐ-BTL ngày 04/4/2017	1.880	1.880	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
11	Nạo vét sông Cái Tàu, huyện U Minh	7597290	C	H. U Minh	11,5 km	2016 - 2018	129/HĐND-TT ngày 28/6/2016	1864/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	79.554	15.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
12	Nâng cấp, mở rộng đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ Hải Thượng Lãn Ông đến ngã ba Hòa Thành)		B	TP. Cà Mau	3.264 m	2018 - 2022	74/HĐND-TT ngày 07/3/2017	1806/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	119.964	20.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cần bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
13	Bờ kè từ công Rạch Ráng đến trụ sở Công an huyện Trần Văn Thời	7635201	C	H. Trần Văn Thời	620 m	2018 - 2020	2209/QĐ-UBND ngày 22/12/2016	221/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	9.151	6.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
14	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7608568	C	H. Phú Tân	Chiều dài cầu chính 300 m	2017 - 2019	1544/QĐ-UBND ngày 15/10/2015	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	3.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
15	Tuyến đường Phan Ngọc Hiến (nối dài), thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7603666	C	H. Phú Tân	Chiều dài cầu chính 2.000 m	2018 - 2020	1543/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 2131/QĐ-UBND ngày 22/12/2016	1807/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.355	10.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
16	Cầu ngang sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7603197	C	H. Phú Tân	Chiều dài cầu chính 213 m	2018 - 2020	1542/QĐ-UBND ngày 15/10/2015; 1977/QĐ-UBND ngày 16/12/2016	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	15.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
17	Dự án Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020		C	Các đơn vị	Mua sắm trang thiết bị	2018 - 2020	1801/QĐ-UBND ngày 30/10/2017		7.186	2.000	Sở Tài nguyên và Môi trường
18	Trụ sở làm việc khối đoàn thể huyện Cái Nước	7596633	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	1575/QĐ-UBND ngày 20/10/2015		21.770	6.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
19	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	7607698	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	1230/QĐ-UBND ngày 18/7/2016	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	3.000	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
20	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND - UBND huyện Trần Văn Thời	7610808	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	426/QĐ-UBND ngày 16/3/2016	330/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.637	4.000	Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
21	Các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	1768/QĐ-UBND ngày 25/10/2017	423/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.285	2.000	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
22	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường huyện Thới Bình	7536919	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1369/QĐ-UBND ngày 15/9/2015		2.426	2.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
23	Trụ sở làm việc Đội Quản lý thị trường huyện Cái Nước	7536926	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2017	1372/QĐ-UBND ngày 15/9/2015	337/QĐ-SXD ngày 15/8/2017	2.486	2.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
24	Trụ sở hành chính phường 1, thành phố Cà Mau	7619588	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	1962/QĐ-UBND ngày 14/11/2016	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.557	4.000	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Nhu cầu vốn cần bổ sung thêm trong năm 2018	Chủ đầu tư
								Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
25	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	7618682	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2020	1317/QĐ-UBND ngày 03/8/2016		15.631	5.000	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
26	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2018 - 2020	882/QĐ-UBND ngày 18/5/2017	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	4.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
27	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước		C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	1324/QĐ-UBND ngày 27/7/2017	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	4.000	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
28	Trụ sở hành chính xã Đất Mới, huyện Năm Căn		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	1652/QĐ-UBND ngày 30/10/2015		14.966	4.000	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
29	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân		C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2018 - 2019	1159/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	2.000	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
30	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004692	C	Tỉnh Cà Mau	Camera	2017 - 2018	1785/UBND-XD ngày 27/10/2017		29.697	10.000	Công an tỉnh Cà Mau
31	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mới	7004686	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1485/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	392/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	6.480	2.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
32	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiến	7004686	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	1481/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	251/QĐ-SXD ngày 13/6/2017	4.996	2.000	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
33	Hỗ trợ chi phí bồi thường, GPMB và chi phí SLMB thực hiện công trình xây dựng Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân tỉnh Cà Mau (theo Công văn số 4225/UBND-NNTN ngày 30/5/2017 của UBND tỉnh)		C	TP. Cà Mau	Bồi thường, GPMB	2018		4696/UBND-NĐ ngày 03/9/2015	2.684	2.684	Hội Nông dân tỉnh Cà Mau



**KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn xổ sở kiến thiết năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
<b>TỔNG SỐ</b>								<b>5.567.886</b>	<b>2.698.770</b>	<b>711.901</b>	<b>699.720</b>	<b>51.567</b>	-	
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>							<b>1.277.469</b>	<b>1.088.533</b>	<b>315.923</b>	<b>104.400</b>	-	-	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>1.271.019</b>	<b>1.088.533</b>	<b>315.923</b>	<b>100.500</b>	-	-	
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7146174	B	TP. Cà Mau	75 giường	2014 - 2018	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	167.540	131.030	131.030	36.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	B	TP. Cà Mau	400 giường	2014 - 2018	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	433.953	432.105	86.128	1.800			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trung tâm Y tế huyện Thới Bình	7498318	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2015 - 2017	1599/QĐ-UBND ngày 23/10/2014; 1863/QĐ-UBND ngày 01/12/2015	25.608	4.612	4.264	6.100			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	7498318	B	H. Thới Bình	25.734 m <sup>2</sup>	2009 - 2017	1685/QĐ-UBND ngày 31/10/2008	147.880	131.878	6.000	9.000			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
5	Bệnh viện đa khoa khu vực Đầm Dơi	7003533	B	H. Đầm Dơi	150 giường	2008 - 2017	1930/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	181.312	179.312	2.323	2.000			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
6	Bệnh viện đa khoa khu vực Năm Căn	7008896	B	H. Năm Căn	200 giường	2010 - 2017	1925/QĐ-UBND ngày 11/11/2009	160.948	154.902	47.331	6.000			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
7	Mua sắm hệ thống chụp mạch xóa nền DSA cho Bệnh viện đa khoa Cà Mau (trong đó nguồn thu từ viện phí, phí dịch vụ y tế: 2,5 tỷ đồng, còn lại là vốn NSNN)	7580551	C	TP. Cà Mau	01 máy	2016 - 2018	1399/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	37.988	25.849	10.000	9.600			Bệnh viện đa khoa Cà Mau
8	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	7562653	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2016 - 2020	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	10.522	10.522	10.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn số kiến thiết năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tăng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
9	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng - y tế cấp III	2016 - 2018	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015	67.383	18.325	18.325	20.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2018</b>							<b>6.450</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>3.900</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy và cải tạo sân, đường nội bộ Bệnh viện đa khoa Cà Mau		C	TP. Cà Mau	HT chữa cháy; sân, đường nội bộ	2017 - 2018	422/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	1.443			1.400			Bệnh viện đa khoa Cà Mau
2	Sửa chữa một số hạng mục công trình tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7644558	C	TP. Cà Mau	Một số hạng mục	2018 - 2019	432/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	5.007			2.500			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>							<b>244.763</b>	<b>62.535</b>	<b>62.535</b>	<b>71.665</b>	<b>9.200</b>	<b>-</b>	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>131.338</b>	<b>62.535</b>	<b>62.535</b>	<b>35.400</b>	<b>9.200</b>	<b>-</b>	
1	Trường THPT Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi giai đoạn 2	7219218	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	Đến hết năm 2018	1851/QĐ-UBND ngày 30/10/2009; 1184/QĐ-UBND ngày 06/7/2017	34.504	27.040	27.040	4.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Cải tạo, nâng cấp Trường THCS Tân Lộc, huyện Thới Bình	7584789	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	239/QĐ-SXD ngày 31/8/2016	13.555	11.885	11.885	1.100			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
3	Trường THCS Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7549968	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2016 - 2018	305/QĐ-SXD ngày 30/10/2015	12.600	11.500	11.500	1.100			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau	7536929	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp II	2016 - 2018	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015	53.479	12.110	12.110	20.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Sửa chữa, cải tạo cơ sở vật chất cho các trường học trên địa bàn tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	C	Các H, TP	Công trình dân dụng	2017 - 2018	Nhiều công trình	17.200			9.200	9.200		Các đơn vị trường học được bố trí vốn sửa chữa (Hoàn trả tạm ứng ngân sách theo Thông báo số 450/TB-VP ngày 25/5/2017 của Văn phòng UBND tỉnh)
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2018</b>							<b>113.425</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>36.263</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
1	Khởi 10 phòng học và khu hiệu bộ Trường THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7618680	C	H. Thới Bình	10 phòng học và khu hiệu bộ	2017 - 2018	405/QĐ-SXD ngày 23/10/2017	14.675			5.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Xây dựng và sửa chữa Trường THCS - THPT Vàm Đình, huyện Phú Tân	7618679	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2018 - 2020	1814/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	17.325			4.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Nội dung thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn số vốn thiết năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
3	Trường THCS Rạch Chèo, huyện Phú Tân (trong đó vốn XSKT bố trí 8,5 tỷ đồng)	7642835	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2018 - 2020	354/QĐ-SXD ngày 01/9/2017	10.304			4.000			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
4	Trường THCS Nguyễn Mai, xã Khánh Tiến, huyện U Minh		C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2018 - 2020	420/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	13.651			3.500			Ủy ban nhân dân huyện U Minh
5	Trường THCS Trần Quốc Toàn, xã Thanh Phú, huyện Cái Nước		C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2018 - 2020	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.930			4.000			Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
6	Trường THCS Tam Giang, huyện Năm Căn		C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2018 - 2020	413/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.998			4.000			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
7	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển		C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2018 - 2020	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970			4.000			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
8	Sửa chữa, cải tạo công trình trụ sở Trường Cao đẳng Sư phạm Cà Mau thành Trường THPT Nguyễn Việt Khái		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2018 - 2019	427/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	8.753			4.000			Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mầm non Phong Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời (theo Công văn số 6902/UBND-XD ngày 01/9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2018	5646/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	7.819			3.765			Hỗ trợ ngân sách huyện Trần Văn Thời
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>							<b>554.971</b>	<b>56.546</b>	<b>54.527</b>	<b>106.421</b>	-	-	
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>331.507</b>	<b>56.546</b>	<b>54.527</b>	<b>69.500</b>	-	-	
1	Bảo tàng tỉnh Cà Mau	7171773	B	TP. Cà Mau	Công trình cấp 1 (Bảo tàng hạng 2)	2012 - 2016	588/QĐ-UBND ngày 16/4/2012	221.250	18.871	18.871	30.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yến - Bình Hưng	7258703	C	H. Phú Tân	Các hạng mục	2013 - 2018	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	9.865	7.846	20.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Đền thờ 10 Anh hùng Liệt sỹ khởi nghĩa Hòn Khoai	7231951	C	TP. Cà Mau	Đền thờ và các hạng mục khác	2017 - 2019	1867/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	40.886	15.544	15.544	13.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
4	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Thới Bình (giai đoạn 2)	7604195	C	H. Thới Bình	SLMB; sân, đường; công, rào	2017 - 2018	321/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	13.969	7.000	7.000	3.300			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
5	Nâng cấp, xây dựng mới một số hạng mục công trình tại Đoàn Cải lương Hương Tràm tỉnh Cà Mau	7567510	C	TP. Cà Mau	Các hạng mục công trình	2017 - 2018	323/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	8.534	5.266	5.266	3.200			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2018</b>							<b>223.464</b>	-	-	<b>36.921</b>	-	-	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lý do vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn và số kiến thiết năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	Đổi ứng Đề án hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau - giai đoạn 2 theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ (ngân sách tỉnh đổi ứng 19.421 triệu đồng)		B	Các huyện, thành phố	5.308 hộ	2017 - 2018	905/QĐ-UBND ngày 22/5/2017	185.885			19.421			Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan để xuất phân khai chi tiết
2	Dự án đầu tư "Mua sắm trang thiết bị hệ thống sản xuất chương trình phát thanh truyền hình chuẩn HD" (Ngân sách tỉnh 33.044 triệu đồng; Quỹ phát triển sự nghiệp của Đài PT-TH tỉnh 2.000 triệu đồng)		C	TP. Cà Mau	Trang thiết bị	2018 - 2020	1804/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	35.044			15.000			Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Cà Mau
3	Sửa chữa một phần khán đài B thuộc sân vận động tỉnh làm nhà nghỉ cho vận động viên năng khiếu		C	TP. Cà Mau	Cải tạo, sửa chữa	2018 - 2019	430/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	2.535			2.500			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>D</b>	<b>LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>							<b>3.490.683</b>	<b>1.491.154</b>	<b>278.916</b>	<b>329.362</b>	<b>42.367</b>	-	
<b>I</b>	<b>Bầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới</b>							<b>1.075.638</b>	<b>682.979</b>	<b>156.379</b>	<b>185.648</b>	<b>17.199</b>	-	
<b>a)</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							<b>964.067</b>	<b>682.979</b>	<b>156.379</b>	<b>157.648</b>	<b>17.199</b>	-	
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang, huyện Năm Căn	7089451	B	H. Năm Căn	Cấp VI đồng bằng	Đến năm 2018	1697/QĐ-UBND ngày 07/01/2014	69.113	67.657	5.116	1.400			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
2	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7008874	B	H. Năm Căn	Cấp VI đồng bằng	Đến năm 2018	1310/QĐ-UBND ngày 08/9/2015	114.749	97.973	34.750	16.000			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
3	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	7021553	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng; 32.748 m	Đến năm 2018	1201/QĐ-UBND ngày 20/8/2008; 1044/QĐ-UBND ngày 22/6/2016	249.113	187.881	32.000	60.000			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
4	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Nguyễn Huệ, huyện Đầm Dơi	7021576	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng; 20.303 m	Đến năm 2016	295/QĐ-UBND ngày 07/5/2007; 808/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	93.996	81.535	20.422	10.000			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
5	Tuyến đường từ Lầu Quốc Gia đến trung tâm xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7018906	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng; 11.150 m	Đến năm 2016	806/QĐ-UBND ngày 10/5/2016	47.486	40.865		3.751	3.751		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
6	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	7157075	B	H. Đầm Dơi	Cấp VI đồng bằng; 13.030 m	Đến năm 2016	1039/QĐ-UBND ngày 22/6/2009; 567/QĐ-UBND ngày 04/4/2016	140.456	136.354		3.448	3.448		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn số kiến thiết năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
7	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	B	H. U Minh	Cấp VI đồng bằng	2016 - 2019	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	7.801	2.000	20.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Cầu qua sông Rạch Gốc, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển	7546546	C	H. Ngọc Hiển	Chiều dài cầu chính 181,54 m	2016 - 2018	1651/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	36.259	31.000	31.000	2.000			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
9	Xây dựng mới cầu Nhà Diêu; duy tu, sửa chữa cầu Dinh Hạn trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Viên An, huyện Ngọc Hiển	7586950	C	H. Ngọc Hiển	02 cầu	2017 - 2018	457/QĐ-SGTVT ngày 14/9/2016	14.861	11.841	11.841	3.000			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
10	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn (xây dựng mới 03 cầu Xi Tọc, Trung Đoàn, Công An)	7562293	C	H. Năm Căn	03 cầu	2017 - 2019	1741/QĐ-UBND ngày 10/10/2016; 1158/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	43.736	10.822	10.000	29.000	10.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
11	Tuyến đường đê Tây sông Trẹm đoạn từ thị trấn Thới Bình đến xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70% theo Công văn số 4758/UBND-XD ngày 19/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		C	H. Thới Bình	7.680 m	2017 - 2018	4545/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	13.336	3.000	3.000	699			Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
12	Sửa chữa mặt đường BTCT hiện hữu, mở rộng 01 m đoạn từ Km5+600 - Km9+810 và bãi đậu xe tại xã Trần Phán thuộc dự án đường ô tô đến trung tâm xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	7555458	C	H. Đầm Dơi	4.010 m	2017 - 2018	530/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2015	14.600	6.250	6.250	8.350			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
<b>b)</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2018</b>							<b>111.571</b>	-	-	<b>28.000</b>	-	-	
1	Xây dựng mới 04 cầu trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh Tiến, huyện U Minh		C	H. U Minh	04 cầu	2018 - 2020	580/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	10.145			3.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Tuyến đường vào trung tâm hành chính mới xã Khánh Tiến, huyện U Minh		C	H. U Minh	03 km	2018 - 2020	392/QĐ-SGTVT ngày 04/8/2017	14.958			3.000			Ủy ban nhân dân huyện U Minh
3	Cầu Đường Kéo thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7638797	C	H. Ngọc Hiển	01 cầu	2018 - 2020	1802/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.164			10.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
4	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Gốc đến cầu Nhà Diêu, xã Tân Ân, huyện Ngọc Hiển		C	H. Ngọc Hiển	3.000 m	2018 - 2020	579/QĐ-SGTVT ngày 31/10/2017	14.889			4.000			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn		C	H. Năm Căn và H. Đầm Dơi	5.146 m	2018 - 2020	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	21.743			3.000			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn số kiến thiết năm 2018			Chủ đầu tư	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:			
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
6	Tuyến đường từ Hàng Khâu đến Chà Là, xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển (Ngân sách tỉnh hỗ trợ 05 tỷ đồng tại Công văn số 6300/UBND-XD ngày 21/8/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)		C	H. Ngọc Hiển		2018	2750B/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	5.672				5.000			Hỗ trợ ngân sách huyện Ngọc Hiển
II	<b>Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu</b>							2.276.298	738.176	52.538	78.614	25.168	-	-	
a)	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							2.276.298	738.176	52.538	78.614	25.168	-	-	
1	Đổi ứng Dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng ĐBSCL (Hệ thống thủy lợi Tiểu vùng X - Nam Cà Mau)	7148575	B	H. Cái Nước và H. Phú Tân	8.800 ha	2012 - 2017	1055/QĐ-UBND ngày 28/7/2015; 1498/QĐ-UBND ngày 31/8/2016	705.700	364.911	21.538	25.000	10.000		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	7371237	B	Các huyện	04 Hợp phần	2013 - 2017	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	205.682	5.000	5.000			Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
3	Đổi ứng Tiểu Dự án 8 thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7603935	B	Các huyện: NH, NC, ĐD, PT, UM, TVT	Đầu tư CSHT phòng chống xói lở bờ biển	2016 - 2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	780.379	5.000	5.000	15.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau	7006162	C	Các huyện ven biển	Các khu tái định cư	Đến năm 2020	Nhiều Quyết định	445.735	150.810	15.000	15.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT	
5	Các công trình kè chống sạt lở bờ biển Tây, tỉnh Cà Mau	7230246; 7422381; 7555901	C	H. UM, TVT	06 đoạn	2010 - 2016	Nhiều Quyết định	11.314			11.314	11.314		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Cà Mau	Nhiều công trình	C	Các huyện	Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng	2016 - 2020	295/QĐ-UBND ngày 01/3/2016	20.124	11.773	6.000	7.300	3.854		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình phân khai	
III	<b>Đề án xây dựng trụ sở hành chính cấp xã</b>							138.747	69.999	69.999	65.100	-	-		
a)	<b>Dự án chuyển tiếp</b>							138.747	69.999	69.999	65.100	-	-		
1	Trụ sở hành chính xã Tân Bằng, huyện Thới Bình	7600218	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	320/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	11.846	8.942	8.942	1.200			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
2	Trụ sở hành chính xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	7600222	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	320/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	9.471	5.298	5.298	2.800			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
3	Trụ sở hành chính xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn	7587761	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	294/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	14.669	5.800	5.800	8.800			Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	



TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC - HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân từ khởi công đến hết năm 2017		Kế hoạch vốn số kiến thiết năm 2018			Chủ đầu tư
							Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số	Trong đó:		
												Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
4	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	7599818	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	314/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.679	6.150	6.150	6.500			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
5	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở hành chính xã Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi	7599813	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	326/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	11.068	4.260	4.260	6.800			Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
6	Trụ sở hành chính xã Khánh Tiến, huyện U Minh	7572045	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	146/QĐ-SXD ngày 20/6/2016	12.448	6.750	6.750	5.600			Ủy ban nhân dân huyện U Minh
7	Cải tạo, mở rộng trụ sở hành chính xã Khánh An, huyện U Minh	7594578	C	H. U Minh	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	283/QĐ-SXD ngày 17/10/2016	8.906	5.220	5.220	3.600			Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Cải tạo, nâng cấp trụ sở hành chính xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	7581600	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2018	224/QĐ-SXD ngày 22/8/2016	8.444	6.300	6.300	2.100			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
9	Trụ sở hành chính xã Viên An Đông, huyện Ngọc Hiển	7593870	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	293/QĐ-SXD ngày 26/10/2016	13.195	5.300	5.300	7.800			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
10	Trụ sở hành chính xã Định Bình, thành phố Cà Mau	7601093	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	321/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	8.054	4.500	4.500	3.500			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
11	Trụ sở hành chính xã Hòa Tân, thành phố Cà Mau	7583402	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	226/QĐ-SXD ngày 23/8/2016	12.986	4.200	4.200	8.700			Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
12	Trụ sở hành chính xã Nguyễn Việt Khái, huyện Phú Tân	7563785	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng cấp III	2017 - 2019	324/QĐ-SXD ngày 31/10/2016	14.981	7.279	7.279	7.700			Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
<b>E</b>	<b>VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>										<b>17.900</b>			<b>Giao Số Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai</b>
<b>G</b>	<b>DỰ PHÒNG (10%)</b>										<b>69.972</b>			



**KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ VÀ NGÂN SÁCH TỈNH  
HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CHO CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ NĂM 2018**

(Kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng.

TT	Danh mục	Tổng số	Thành phố Cà Mau	Huyện Thới Bình	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	Huyện Đầm Dơi	Huyện Cái Nước	Huyện Phú Tân	Huyện Năm Căn	Huyện Ngọc Hiển
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>279.580</b>	<b>79.531</b>	<b>28.755</b>	<b>25.384</b>	<b>34.431</b>	<b>33.689</b>	<b>24.416</b>	<b>16.426</b>	<b>18.405</b>	<b>18.543</b>
<b>I</b>	<b>Vốn cân đối từ nguồn thu ngân sách huyện, thành phố</b>	<b>97.200</b>	<b>54.000</b>	<b>6.300</b>	<b>4.500</b>	<b>9.900</b>	<b>9.000</b>	<b>5.850</b>	<b>3.600</b>	<b>2.700</b>	<b>1.350</b>
<b>II</b>	<b>Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ đầu tư cho các huyện, thành phố (tăng 10% so với năm 2017)</b>	<b>46.464</b>	<b>6.776</b>	<b>3.509</b>	<b>8.204</b>	<b>7.381</b>	<b>7.684</b>	<b>3.146</b>	<b>1.936</b>	<b>5.735</b>	<b>2.093</b>
	<i>Trong đó: bố trí đầu tư trên địa bàn 08 xã thuộc diện đặc biệt khó khăn (mỗi xã 01 tỷ đồng)</i>	<i>8.000</i>			<i>4.000</i>	<i>1.000</i>	<i>3.000</i>				
<b>III</b>	<b>Hỗ trợ từ nguồn thu xổ số kiến thiết năm 2018</b>	<b>130.280</b>	<b>18.755</b>	<b>13.310</b>	<b>12.680</b>	<b>17.150</b>	<b>17.005</b>	<b>15.420</b>	<b>10.890</b>	<b>9.970</b>	<b>15.100</b>
1	Hỗ trợ các huyện, thành phố đầu tư xây dựng giao thông nông thôn (tăng 10% so với năm 2017)	71.390	12.100	9.680	6.050	7.865	7.865	7.260	7.260	4.840	8.470
2	Hỗ trợ các huyện, thành phố đầu tư trường học (tăng 10% so với năm 2017)	39.325	6.655	3.630	3.630	6.050	4.840	3.630	3.630	3.630	3.630
3	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mẫu giáo thị trấn Đầm Dơi giai đoạn 2 (theo Công văn số 3529/UBND-XD ngày 09/5/2017 của UBND tỉnh)	4.000					4.000				

TT	Danh mục	Tổng số	Thành phố Cà Mau	Huyện Thới Bình	Huyện U Minh	Huyện Trần Văn Thời	Huyện Đầm Dơi	Huyện Cái Nước	Huyện Phủ Tân	Huyện Năm Căn	Huyện Ngọc Hiển
4	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Bia Tường niệm trận thảm sát tại Bàu Hàng, ấp Tân Hòa, xã Nguyễn Huân, huyện Đầm Dơi (theo Công văn số 4230/UBND-XD ngày 02/6/2017 của UBND tỉnh)	300					300				
5	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mầm non Sơn Ca, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời (theo Công văn số 4908/UBND-XD ngày 26/6/2017 của UBND tỉnh)	2.000				2.000					
6	Hỗ trợ đầu tư xây dựng Trường Mầm non Phong Điền, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời (theo Công văn số 6902/UBND-XD ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh)	1.235				1.235					
7	Hỗ trợ đầu tư mở rộng tuyến đường từ Đồn Biên phòng Khánh Tiến đến công Tiểu Đừa, huyện U Minh (theo Công văn số 7309/UBND-XD ngày 18/9/2016 của UBND tỉnh)	3.000			3.000						
8	Hỗ trợ đầu tư xây dựng đường GTNT trên địa bàn xã Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển (theo Công văn số 5180/UBND-XD ngày 05/7/2017 của UBND tỉnh)	3.000									3.000
9	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường Tiểu học 1 thị trấn Năm Căn đạt chuẩn quốc gia (theo Công văn số 8460/UBND-XD ngày 24/10/2017 của UBND tỉnh)	1.500								1.500	
10	Hỗ trợ đầu tư xây dựng cầu Lộ Xe, xã Trần Thới, huyện Cái Nước (theo Thông báo số 1055/TB-VP ngày 31/10/2016 của Văn phòng UBND tỉnh)	4.530					4.530				
<b>IV</b>	<b>Hỗ trợ khác theo ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh</b>	<b>5.636</b>	<b>0</b>	<b>5.636</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng tuyến đường đê Tây sông Trẹm, đoạn từ thị trấn Thới Bình đến xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình (theo Công văn số 4758/UBND-XD ngày 19/6/2017 của UBND tỉnh)	5.636		5.636							